

Bản án số: 08/2020/DS-ST.

Ngày: 11 - 6 - 2020.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* bà Lê Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Dũng, ông Phạm Ngọc Dung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham G phiên tòa.*

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST – DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L - Sinh năm: 1954, ông Lê Đình G – Sinh năm 1945.

Đều trú tại: Thôn 5, xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Đình G là bà Hoàng Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1961.

Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn T – sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện V, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Trong các năm 2009, 2010, 2011 vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G có cho bà Nguyễn Thị H vay tổng cộng 08 lần với tổng số tiền là 517.000.000 đồng ( Năm trăm mười bảy triệu đồng). Cụ thể như sau: Ngày 02/01/2009 vay số tiền là 168.000.000 đồng, ngày 31/01/2009 vay số tiền là 50.000.000 đồng, ngày 20/02/2009 vay số tiền là 60.000.000 đồng, ngày 23/3/2009 vay số tiền là 60.000.000 đồng, ngày 03/4/2009 vay số tiền là 29.000.000 đồng, ngày 17/8/2009 vay số tiền là 100.000.000 đồng, ngày 01/10/2010 vay số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 26/01/2011 vay số tiền là 30.000.000 đồng. Tất cả các lần vay bà H đều viết giấy vay nợ. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay lâu dài, riêng giấy vay tiền đề ngày 26/01/2011 thời hạn vay đến ngày 26/3/2011, nhưng đến hạn trả nợ bà H không trả được nên đã gặp vợ chồng ông G, bà L để xin khất nợ và bà L, ông G cũng đồng ý cho bà H khất nợ, lúc nào vợ chồng bà L, ông G cần sẽ báo trước cho bà H 01 tháng để bà H chuẩn bị. Bà H đã trả lãi đến hết tháng 7/2009. Ngày 25/4/2011 bà H đã tính lãi trở về trước chưa trả cho vợ chồng bà L, ông G là 170.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ tính để đó chứ thực tế chưa trả cho vợ chồng bà L, ông G.

Trong các giấy vay nợ anh Trần Văn T là con trai bà H đã viết vào giấy vay nợ là sẽ có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G bắt đầu từ tháng 9/2010, riêng giấy vay nợ ngày 02/01/2009 anh T hẹn bắt đầu trả nợ từ ngày 27/9/2012 nhưng từ đó đến nay bà H và anh T cũng không trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G. Lâu không thấy bà H và anh T trả nợ nên vợ chồng bà L, ông G đã gặp mẹ con bà H để đòi tiền nhiều lần nhưng bà H, anh T vẫn khất lần không có thiện trí trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G.

Nay vợ chồng bà L, ông G đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G số tiền nợ gốc là 517.000.000 đồng (năm trăm mười bảy triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Trong các năm 2009, 2010 và 2011 bà H có vay của bà L, ông G tổng số tiền là 517.000.000 đồng ( năm trăm mười bảy triệu đồng). Bà H đã trả lãi đến hết tháng 7/2009. Sau đó G đình bà H gặp khó khăn, chăn nuôi bị dịch bệnh, làm ăn thua lỗ, nên bà H không có khả năng để trả nợ cho vợ chồng ông G, bà L kể cả tiền lãi nên ngày 25/4/2011 bà H và bà L đã thống nhất lãi từ ngày viết giấy trở về trước là 170.000.000 đồng ( một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền lãi. Tất cả các lần bà H vay tiền của bà L, ông G con trai bà là Trần Văn T không biết, nhưng sau đó

bà L, ông G mang giấy vay nợ bà H đã viết trước đó cho con trai bà viết cam kết và ký vào. Riêng giấy vay tiền đề ngày 01/10/2010 với số tiền 20.000.000 đồng, thực tế ngày hôm đó bà H vay tiền của bà L, ông G, nhưng khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không viết giấy tờ gì, vì làm ăn thua lỗ chưa trả được nợ cho bà L, ông G nên mãi sau này bà L mới bảo bà H viết giấy cho khoản tiền vay nợ ngày 01/10/2010 và khi viết thì cam kết luôn cho anh T và mấy ngày sau anh T mới ký vào giấy mà bà H viết đề ngày 01/10/2010.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà H khẳng định bà còn nợ ông G, bà L tổng số tiền nợ gốc là 517.000.000đ ( năm trăm mười bảy triệu đồng), thời hạn vay lâu dài, khi vay hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/ tháng, bà H vay khoản tiền của ông G, bà L để kinh doanh riêng không sử dụng vào mục đích chung cho G đình. Bà H vay nên bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G. Con trai bà H là Trần Văn T không vay, không được sử dụng nên không có trách nhiệm phải trả. Bà L, ông G cũng đã gặp mẹ con bà để đòi nhiều lần nhưng G đình bà quá khó khăn, nên khi vợ chồng bà L, ông G đến đòi nợ bà H phải xin khất nợ, biết G đình bà H không có tài sản gì nên ông G, bà L cũng đồng ý cho khất. Nhưng vì bà H vẫn chưa trả được nợ cho vợ chồng bà L, ông G nên vợ chồng bà L, ông G đã làm đơn khởi kiện mẹ con bà. Vì hiện nay G đình bà rất khó khăn nên bà H đề nghị vợ chồng ông G, bà L cho bà được trả dần số tiền nợ gốc và cho bà xin lãi suất.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H khẳng định bà đã trả lãi đến hết tháng 7/2009 của các khoản vay các ngày 02/01/2009, 31/01/2009, 20/02/2009, 23/3/2009, 03/4/2009 với tổng số tiền nợ gốc là 367.000.000 đồng với mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận lúc vay là 2%/tháng nhưng vì bà chưa trả được nợ cho bà L, ông G nên bà H không đề nghị trừ đi số tiền lãi mà bà H đã trả vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T trình bày như sau:

Việc vay nợ giữa mẹ anh là bà H với vợ chồng ông G, bà L anh không biết. Nhưng sau đó bà L, ông G mang giấy vay nợ mẹ anh đã viết và vay trước đó bảo anh cam kết và ký vào nên anh đã viết và ký tên. Bà H là người trực tiếp vay tiền và bà H cũng sử dụng số tiền vay đấy nên trách nhiệm trả nợ cho ông G, bà L thuộc về mẹ anh (bà Nguyễn Thị H), anh T cũng sẽ có trách nhiệm để hỗ trợ giúp bà H một phần trong việc trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của anh T. Còn giấy vay nợ đề ngày 17/8/2009 và giấy vay nợ đề ngày 26/01/2011 anh không ký nhận nên sẽ không có trách nhiệm gì đối với hai khoản vay này. Nhưng tại đơn xin xử vắng mặt đề ngày 09 tháng 6 năm 2020, anh T đề nghị: Hiện nay anh và bà H ở riêng. Bản thân anh T thường xuyên đau ốm, bị

bệnh thoát vị đĩa đệm lưng, mắt bị bệnh đục thủy tinh thể không nhìn thấy rõ, bên cạnh đó anh còn phải nuôi 02 con nhỏ đang tuổi ăn, tuổi học. Nên anh T không thể trả nợ cho bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G thay cho bà H được. Bà H trực tiếp vay tiền của ông G, bà L và cũng là người sử dụng số tiền vay ấy nên trách nhiệm trả nợ thuộc về bà H, anh T không có trách nhiệm phải trả số tiền mà bà H đã vay của ông G, bà L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hoàng Thị L cũng công nhận khi bà H vay tiền anh T không biết, việc anh Trần Văn T viết vào các giấy vay nợ là do bà bảo anh T viết vào sau khi bà H gặp khó khăn chưa trả được lãi cho vợ chồng bà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G khởi kiện vụ án về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn là bà Nguyễn Thị H cư trú tại thôn 1, xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G và bà Nguyễn Thị H được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Nguyên đơn bà Hoàng Thị L, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T đều thừa nhận: Trong giấy vay nợ các ngày 02/01/2009, 31/01/2009, 20/02/2009, 23/3/2009, 03/4/2009 anh Trần Văn T là con trai của bà Nguyễn Thị H có nhận trách nhiệm nếu bà H không trả được nợ cho bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G thì anh T sẽ có trách nhiệm trả nợ dần cho bà L, ông G. Trong giấy vay tiền đề ngày 17/8/2009 anh T có viết cam kết nhưng không ký tên và giấy vay tiền đề ngày 01/10/2010 anh T không cam kết gì nhưng lại ký vào giấy vay tiền do bà H đã viết trước đó. Tất cả những khoản vay này bà H

là người trực tiếp đi vay, anh T không biết, một thời gian sau do bà H không trả được tiền lãi nên bà L mới bảo anh T viết và ký tên vào các giấy vay nợ nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Trần Văn T phải trả nợ cùng bà vì hiện tại bà H và anh T ăn, ở riêng cả hai cùng làm nghề làm nem, giò, bản thân anh T thường xuyên đau ốm, bên cạnh đó phải nuôi hai con nhỏ ăn, học, điều kiện kinh tế khó khăn, vất vả hơn bà, anh T không có đất đai, nhà cửa cũng như tài sản gì có giá trị. Quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không nhận trách nhiệm trả nợ cùng bà H. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G về việc buộc anh T phải có trách nhiệm cùng bà H trả các khoản tiền nợ mà bà H đã vay vợ chồng bà L, ông G là phù hợp.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào các giấy vay tiền thể hiện trong các năm 2009, 2010 và 2011 bà Nguyễn Thị H có vay bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G tổng số tiền là 517.000.000 đồng (Năm trăm mười bảy triệu đồng). Bà Nguyễn Thị H cũng thừa nhận đã vay của vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G số tiền trên là đúng thực tế. Khi vay hai bên không thỏa thuận với nhau về thời hạn trả nợ, riêng giấy vay tiền đề ngày 26/01/2011 thời hạn vay đến ngày 26/3/2011, nhưng đến hạn trả nợ bà H không trả được nên đã gặp vợ chồng ông G, bà L để xin khất nợ và bà L, ông G cũng đồng ý cho bà H khất nợ, khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về mức lãi suất là 2%/ tháng. Bà H đã trả lãi đến hết tháng 7 năm 2009 của các khoản vay các ngày 02/01/2009, 31/01/2009, 20/02/2009, 23/3/2009, 03/4/2009 với tổng số tiền nợ gốc là 367.000.000 đồng còn các khoản vay ngày 17/8/2009, ngày 01/10/2010, ngày 26/01/2011 bà H chưa trả lãi cho bà L, ông G. Số tiền nợ này bà H xin được trả dần cho bà L, ông G. Như vậy khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, vợ chồng bà L, ông G đã nhiều lần đòi nhưng bà H vẫn cố tình không trả nên bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh T. Do đó, vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G yêu cầu bà H trả nợ cho vợ chồng bà L, ông G số tiền gốc là 517.000.000 đồng (Năm trăm mười bảy triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G số tiền nợ gốc là 517.000.000 đồng (Năm trăm mười bảy triệu đồng) là phù hợp với quy định tại điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Về lãi suất: Trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất, nhưng bà L và bà H đều công nhận khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/tháng, bà H cũng đã trả lãi cho bà L, ông G đến hết tháng 7/2009 của các khoản vay các ngày 02/01/2009, 31/01/2009, 20/02/2009, 23/3/2009, 03/4/2009 với tổng số tiền nợ gốc là 367.000.000 đồng. Như vậy, có thể khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, có lãi. Tại phiên tòa bà H không đề nghị trừ đi số tiền lãi mà bà H đã trả vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng. Nghĩ đây là sự tự nguyện của bà H nên chấp nhận. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bà Hoàng Thị L yêu cầu bà H phải trả lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà pháp luật quy định tương ứng với từng thời điểm vay trừ đi những tháng bà H đã

trả lãi trước đó là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 nên được chấp nhận. Từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 áp dụng mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án với lãi suất 13,5%/ năm, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/6/2020 áp dụng khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết với lãi suất là 20%/ năm là phù hợp. Cụ thể:

- Khoản vay các ngày 02/01/2009, 31/01/2009, 20/02/2009, 23/3/2009, 03/4/2009 với tổng số tiền nợ gốc là 367.000.000 đồng đã trả lãi hết tháng 7/2009.

Từ ngày 01/8/2009 đến ngày 31/12/2016 là 07 năm 05 tháng =  $367.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% / \text{năm} = 367.458.000 \text{ đồng}$

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/6/2020 là 03 năm 05 tháng 11 ngày =  $367.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} = 253.025.000 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay ngày 17/8/2009 với số tiền là 100.000.000 đồng

Từ ngày 17/8/2009 đến ngày 31/12/2016 là 07 năm 04 tháng 14 ngày =  $100.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% / \text{năm} = 99.525.000 \text{ đồng}$

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/6/2020 là 03 năm 05 tháng 11 ngày =  $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} = 68.944.000 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay ngày 01/10/2010 với số tiền là: 20.000.000 đồng.

Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2016 là 06 năm 03 tháng =  $20.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% / \text{năm} = 16.875.000 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/6/2020 là 03 năm 05 tháng 11 ngày =  $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} = 13.788.000 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay ngày 26/01/2011 với số tiền 30.000.000 đồng.

Từ ngày 26/01/2011 đến ngày 31/12/2016 là 05 năm 11 tháng 05 ngày =  $30.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% / \text{năm} = 24.018.700 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/6/2020 là 03 năm 05 tháng 11 ngày =  $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} = 20.683.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 517.000.000 đồng là 864.316.700 đồng ( Tám trăm sáu mươi tư triệu ba trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng).

Tổng cộng bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G số tiền gốc và lãi là:  $517.000.000 \text{ đồng} + 864.316.700 \text{ đồng} = 1.381.316.700 \text{ đồng}$  ( Một tỷ ba trăm tám mươi một triệu ba trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ là 53.439.500 đồng. Nhưng hiện nay gia đình bà Nguyễn Thị H rất khó khăn, bản thân bà thường xuyên đau ốm, đã được UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xác nhận nên giảm 50% mức án phí mà bà H phải nộp. Vậy, bà H phải nộp 26.719.700 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 290, Điều 305; Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 13, Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị L và ông Lê Đình G.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G số tiền nợ gốc là 517.000.000 đồng (Năm trăm mười bảy triệu đồng) và 864.316.700 đồng ( Tám trăm sáu mươi tư triệu ba trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng) tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 1.381.316.700 đồng ( Một tỷ ba trăm tám mươi một triệu ba trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng).

Anh Trần Văn T không phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Lê Đình G cùng với bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 12/6/2020, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 26.719.700 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Giang**